

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2006/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, thay thế biểu thu thập thông tin và Phụ lục phân loại dư nợ trong Quy chế hoạt động Thông tin Tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1117/2004/QĐ-NHNN ngày 08/9/2004 và Quyết định số 1003/2005/QĐ-NHNN ngày 08/7/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, thay thế biểu thu thập thông tin trong Quy chế hoạt động

Thông tin Tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1117/2004/QĐ-NHNN ngày 08/9/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, như sau:

1. Bổ sung vào Biểu K1A chỉ tiêu số 14 - "là người cư trú hay không cư trú" và "quốc tịch" của doanh nghiệp.

2. Bổ sung vào Biểu K1B chỉ tiêu số 8 - "là người cư trú hay không cư trú" của tư nhân.

3. Thay thế Biểu K4A, Biểu K4B bằng Biểu K4 - Báo cáo tài sản bảo đảm tiền vay ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Bổ sung vào Phụ lục phân loại dư nợ (kèm theo Biểu K3 - Báo cáo dư nợ của khách hàng) trong Quyết định số 1003/2005/QĐ-NHNN ngày 08/7/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, như sau:

STT	Ký hiệu	Phân loại dư nợ	TK hạch toán	
			VND	Ngoại tệ và vàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		CHO VAY NGẮN HẠN CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI		
83	26N1	Dư nợ đủ tiêu chuẩn	2611	2641
84	26N2	Dư nợ cần chú ý	2612	2642
85	26N3	Dư nợ dưới tiêu chuẩn	2613	2643
86	26N4	Dư nợ nghi ngờ	2614	2644
87	26N5	Dư nợ có khả năng mất vốn	2615	2645
		CHO VAY TRUNG HẠN CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI		
88	26T1	Dư nợ đủ tiêu chuẩn	2621	2651
89	26T2	Dư nợ cần chú ý	2622	2652
90	26T3	Dư nợ dưới tiêu chuẩn	2623	2653
91	26T4	Dư nợ nghi ngờ	2624	2654

STT	Ký hiệu	Phân loại dư nợ	TK hạch toán	
			VNĐ	Ngoại tệ và vàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	26T5	Dư nợ có khả năng mất vốn	2625	2655
		CHO VAY DÀI HẠN CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI		
93	26D1	Dư nợ đủ tiêu chuẩn	2631	2661
94	26D2	Dư nợ cần chú ý	2632	2662
95	26D3	Dư nợ dưới tiêu chuẩn	2633	2663
96	26D4	Dư nợ nghi ngờ	2634	2664
97	26D5	Dư nợ có khả năng mất vốn	2635	2665
		CHO VAY KHÁC CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI		
98	26K1	Dư nợ đủ tiêu chuẩn	2671	2681
99	26K2	Dư nợ cần chú ý	2672	2682
100	26K3	Dư nợ dưới tiêu chuẩn	2673	2683
101	26K4	Dư nợ nghi ngờ	2674	2684
102	26K5	Dư nợ có khả năng mất vốn	2675	2685

Ghi chú: Cột (4) và (5) là tài khoản hạch toán theo Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 về việc Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm Quyết định số 479/QĐ/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 và Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng Văn phòng Đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Trần Minh Tuấn

BIỂU: K4

TỔ CHỨC TÍN DỤNG (CN TCTD)

.....

Số hiệu:.....

BÁO CÁO TÀI SẢN BẢO ĐẢM TIỀN VAY

Tên khách hàng:

Mã khách hàng:

Địa chỉ:

STT	Loại tài sản	Mã tài sản	Mô tả tài sản	Phát sinh		Ngày giải chấp	Ghi chú
				Giá trị tài sản	Ngày tháng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09693167

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu

Kiểm soát

Tổng Giám đốc (Giám đốc)

Ghi chú: - Đối tượng áp dụng: các TCTD, Sở Giao dịch, chi nhánh TCTD, các đơn vị có hoạt động tín dụng thuộc TCTD

- Thời gian gửi báo cáo: chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ khi khách hàng có phát sinh quan hệ về tài sản bảo đảm tiền vay hoặc khi có các thông tin thay đổi về thế chấp, cầm cố và giải chấp.